TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Thanh Bình.
Bà Nguyễn Thị Tâm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Châm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị N**; sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Bản N H (Bản N H 1 cũ), xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn P ; s**inh năm: 1987.

Địa chỉ: Bản N H (Bản N H 1 cũ), xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 21/12/2017, kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là anh P nghiện ma tuý, đồ đạc trong nhà

đem đi bán hết, nhiều lúc còn đánh đập vợ con, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm, Vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. vì vậy chị N đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn P .

2. Về con chung: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn P có 02 con chung cháu Lò Thị Minh N1; sinh ngày 04/12/2008 và cháu Lò Hoàng T; sinh ngày 18/02/2015. Quan điểm của chị N sau ly hôn, chị N sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị N tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/02/2022, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Lò Thị N. Toà án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 84/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tống đạt trực tiếp cho anh Lò Văn P tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh P không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh P từ chối nhận, anh P không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Trưởng bản N H (Bản N H 1 cũ), xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nơi anh P cư trú thì Trưởng bản N H (Bản N H 1 cũ), xã P L cho biết anh P đăng ký hộ khẩu thường trú tại N H (Bản N H 1 cũ), xã P L, huyện Đ B nhưng hiện nay anh P đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh P đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng bằng hình T niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại bản N H (Bản N H 1 cũ), xã P L, huyện Đ B và UBND xã P L, huyện Đ B; Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này anh P cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại phiên tòa anh P vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 11/5/2022. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn P đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. Chị Lò Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 08/02/2022 chị Lò Thị N nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn P có địa chỉ tại bản N H (Bản N H 1 cũ), xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chị N là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N theo Điều 195/BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh P không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh P đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn P kết hôn tại UBND xã P L, huyện Đ B Đông, tỉnh Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh P đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp. Trong thời quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là anh P nghiện ma tuý, đồ đạc trong nhà đem đi bán hết, nhiều lúc còn đánh đập vợ con, mâu thuẫn càng

ngày càng đến đỉnh điểm, Vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị N tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh P . Tòa án đã thông báo cho anh P được biết, nhưng anh P từ chối nhận và anh P không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh P nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh P vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P . Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị N khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn P .

[2.2] Xét về con chung: Chị Lò Thị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Lò Thị Minh N1; sinh ngày 04/12/2008 và cháu Lò Hoàng T; sinh ngày 18/02/2015.

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị N cung cấp cho Tòa án đã được Trưởng bản N H (Bản N H 1 cũ), xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên và UBND xã P L, huyện Đ B xác nhận thì vợ chồng chị N và anh P khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh P nghiện ma túy đã nhiều năm nay, hiện tại anh chị đã sống ly thân, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, anh P thường xuyên vắng nhà đi đâu và làm gì chị N và Trưởng Bản cũng không biết. Như vậy anh P không đủ điều kiện và thời gian chăm sóc các con, không đảm bảo được sự phát triển của trẻ. HĐXX thấy rằng hiện tại chị N mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị N, của cháu N1 và cháu T là mong muốn được ở với mẹ. HĐXX giao các con cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh P có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị N.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lò Thị N là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn P .

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lò Thị Minh N1; sinh ngày 04/12/2008 và cháu Lò Hoàng T; sinh ngày 18/02/2015 cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Lò Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lò Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã PL, HĐB, tỉnh ĐB;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan